

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Quốc phòng và ngành Nội vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3717/QĐ-BQP ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 3745/QĐ-BQP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-BNV ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 442/TTr-SNV ngày 23 tháng 9 năm 2025 và Tờ trình số 453/TTr-SNV ngày 26 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục: 03 thủ tục hành chính mới ban hành; 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Quốc phòng và ngành Nội vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH QUỐC PHÒNG VÀ NGÀNH NỘI VỤ
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực: Lao động					
1	1.014352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Không quy định	Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/2/2025 của Quốc hội. - Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội. - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội. - Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BNV ngày 22/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chính quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
II	CẤP XÃ					
I	Lĩnh vực: Chính sách					
1	1.013173	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) và quyết định, kinh phí hỗ trợ, cụ thể: - Cấp xã: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Cấp tỉnh, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo. - Cấp quân khu: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ	Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; Quyết định số 3745/QĐ-BQP ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo. - Cấp xã chi trả hỗ trợ một lần, trao “Giấy chứng nhận” cho đối tượng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ kinh phí, quyết định hỗ trợ, “Giấy chứng nhận” và danh sách đối tượng được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền.			
II	Lĩnh vực: Ứng phó sự cố tràn dầu					
1	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	Quyết định số 24/2025/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 3717/QĐ-BQP ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển				thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

T T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý công bố TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực: Người có công					
1	1.010774	“Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ	- Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 212 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 110 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị	- Gửi trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích (Bưu cục của Bưu	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức

		ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước”	định số 131/2021/NĐ-CP: 85 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: + Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 217 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; + Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 225 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. <i>(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian hồ sơ trình Văn phòng Chính phủ và thời gian gửi bằng Tổ quốc ghi công cho thân nhân liệt sĩ)</i>	điện), nhân viên bưu điện nộp hồ sơ trực tiếp cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.
2	1.01081 1	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với	+ Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng lần đầu: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Gửi trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

		trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	+ Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng không phải lần đầu: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích (Bưu cục của Bưu điện), nhân viên bưu điện nộp hồ sơ trực tiếp cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, theo địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn		- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.
3	1.01082 9	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng	+ Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: 10 ngày làm việc	- Gửi trực tiếp tại Trung tâm	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

		tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ. + Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: 11 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ.	Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích (Bưu cục của Bưu điện), nhân viên bưu điện nộp hồ sơ trực tiếp cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, theo địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn		- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố
--	--	--	---	---	--	---

						thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.
--	--	--	--	--	--	--

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VB quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG (tiếp nhận hồ sơ tại cấp tỉnh)			
I	Lĩnh vực: Người có công			
1	1.010793	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.	Cục Chính sách, Tổng Cục Chính trị, Bộ Quốc phòng hoặc Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an; Sở Nội vụ.

PHẦN II.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Quy trình TTHC: Không quy định

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
1	1.014352	Tuyển chọn chuyên gia

b) Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ; gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ về cơ quan xử lý hồ sơ.	Bộ phận TN&TKQ	Thời gian thực hiện thông qua công bố công khai thông tin, tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế đề cử, ứng cử. Kết thúc thủ tục hành chính là việc ký kết hợp đồng lao động.	
Bước 2	Kiểm tra, thụ lý, thẩm định hồ sơ	Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
Bước 3	Phỏng vấn (nếu cần thiết); Ký kết hợp đồng lao động	Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
Bước 4	Hoàn thiện hồ sơ (cấp số, đóng dấu), gửi kết quả cho cá nhân	Văn thư; Bộ phận TN&TKQ		

2. Quy trình Người có công liên thông

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
-----	---------	----------

1	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước
---	----------	---

b) Nội dung quy trình

b.1) Nội dung quy trình NCC liên thông 127 ngày (Sở 20 - xã 57- Sở 20 - cơ quan cấp giấy chứng nhận hy sinh 20 - Sở 5 – UBND tỉnh 5, không tính thời gian của cấp trung ương): Đối với trường hợp 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
*	Cấp tỉnh			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	1	
Bước 2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công	4	
Bước 3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	148	
Bước 4	Duyệt hồ sơ, chuyển UBND cấp xã	Lãnh đạo Sở Nội vụ	4	
*	Cấp xã			
Bước 5	Niêm yết công khai, lấy ý kiến nhân dân và lập biên bản kết quả niêm yết công khai.	UBND cấp xã	360	
Bước 6	Tổ chức họp, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm hồ sơ gửi Sở Nội vụ.	Hội đồng xác nhận người có công cấp xã	96	
*	Cấp tỉnh			
Bước 7	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	160	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 8	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh	160	
Bước 9	Thụ lý hồ sơ, trình UBND cấp tỉnh	Sở Nội vụ	40	
Bước 10	Liên thông hồ sơ lên UBND tỉnh, đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định	UBND tỉnh	40	Văn phòng UBND tỉnh
Bước 11	Phát hành kết quả (cấp sổ, đóng dấu) và trả kết quả	Văn thư, Bộ phận TN&TKQ	3	

b.2) Nội dung quy trình NCC liên thông 50 ngày (Sở 20 - cơ quan hy sinh 20 - Sở 5 – UBND tỉnh 5, không tính thời gian của cấp trung ương): Đối với trường hợp 2

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
*	Cấp tỉnh			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	1	
Bước 2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công	4	
Bước 3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	148	
Bước 4	Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nội vụ	4	
Bước 5	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh	160	
Bước 6	Thụ lý hồ sơ; trình UBND cấp tỉnh	Chuyên viên phòng Người có công	40	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 7	Thụ lý hồ sơ; đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.	UBND tỉnh	40	Văn phòng UBND tỉnh
Bước 8	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu) và trả kết quả	Văn thư, Bộ phận TN&TKQ	3	

b.3) Nội dung quy trình NCC liên thông 25 ngày (Sở 20 - UBND tỉnh 5, không tính thời gian của cấp trung ương): Đối với trường hợp 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	1	
Bước 2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công	4	
Bước 3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	148	
Bước 4	Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nội vụ	4	
Bước 5	Thụ lý hồ sơ; đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.	UBND tỉnh	40	Văn phòng UBND tỉnh
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu) và trả kết quả	Văn thư, Bộ phận TN&TKQ	3	

b.4) Nội dung quy trình NCC liên thông 165 ngày (xã 70 - Sở 65 – cơ quan có thẩm quyền 20 – Sở 5 – UBND tỉnh 5, không tính thời gian của cấp trung ương): Đối với trường hợp 4

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
------------------	---------------------------	------------------------	---------------------------	---------------------------

*	Cấp xã			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ; thụ lý hồ sơ; có văn bản kèm giấy tờ gửi Sở Nội vụ	UBND xã	560	
*	Cấp tỉnh			
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	4	
Bước 3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công	4	
Bước 4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	504	
Bước 5	Duyệt hồ sơ, trình UBND cấp tỉnh	Lãnh đạo Sở Nội vụ	4	
Bước 6	Cấp giấy chứng nhận hy sinh	Cơ quan có thẩm quyền	160	
Bước 7	Thụ lý hồ sơ; trình UBND cấp tỉnh	Chuyên viên phòng Người có công	40	
Bước 8	Kiểm tra và gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.	UBND tỉnh	40	Văn phòng UBND tỉnh
Bước 9	Phát hành kết quả (cấp sổ, đóng dấu) và trả kết quả	Văn thư, Bộ phận TN&TKQ	4	

3. Quy trình TTHC: 35 ngày

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại

		gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý
--	--	---

b) Nội dung quy trình NCC liên thông 35 ngày (xã 10 - Sở 20 - xã 5)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
*	Cấp xã			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ kiểm tra và thụ lý hồ sơ gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ	Bộ phận TN&TKQ; UBND xã	80	
*	Cấp Sở			
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	1	
Bước 3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công, Sở Nội vụ	4	
Bước 4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công, Sở Nội vụ	148	
Bước 5	Duyệt hồ sơ kèm văn bản đề nghị cấp tiền gửi	Lãnh đạo Sở Nội vụ	7	
*	Cấp xã			
Bước 6	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	UBND cấp xã	36	
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ	4	

4. Quy trình 03 ngày làm việc (nơi quản lý hồ sơ gốc)

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

b) Nội dung quy trình giải quyết

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ	1	
Bước 2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Người có công	4	
Bước 3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Người có công	12	
Bước 4	Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nội vụ	4	
Bước 5	Hoàn thiện hồ sơ (cấp số, đóng dấu), trả kết quả TTHC	Văn thư Sở Nội vụ; Bộ phận TN&TKQ	3	